TẠI SAO CẦN GIÁO DỤC KHAI PHÓNG?

■ TS. NGUYỄN XUÂN XANH

Giáo dục có thể cho bạn một kỹ năng, nhưng giáo dục khai phóng có thể đem lại cho bạn phẩm giá.

ELLEN KEY

Giáo dục khai phóng là một lãnh vực rộng, bao gồm những môn học không phải thuần kỹ thuật, hay khoa học chuyên môn, mà liên quan đến nghệ thuật, âm nhạc, lịch sử, triết học, văn học, ngôn ngữ, v.v., tức mang tính nhân văn. Nó nhằm đào tạo con người toàn diện, phát triển nhiều khả năng, tạo nền tri thức rộng, tạo ý thức lịch sử, nhân loại, để làm công dân, làm người văn hóa, hơn là một chuyên gia trong một lãnh vực chuyên môn.

Người Hy Lạp đã đưa ra khái niệm giáo dục nhân văn và định nghĩa nó là "lý tưởng theo đuổi tri thức vì mục tiêu của chính nó". Nội dung của giáo dục nhân văn đã có những bước chuyển qua các thời đại, từ paideia của Hy Lạp sang humanitas của La Mã rồi artes liberales (liberal arts) của thời trung cổ, humanism thời Phục Hưng, Bildung của Đức đầu thế kỷ 19, và diễn biến với những thay đổi tuỳ thời cho đến hôm nay. Mục đích của giáo dục này ban đầu là tạo hình một con người toàn diện (the whole man), cả thân thể và lẫn tâm hồn (body and soul), giác quan và lý trí (sense and reason), tính cách và tinh thần (character and mind), xem con người là một chủ thể tuyệt đối, không phải là "những chiếc răng bánh xe trong cỗ máy chính trị, hay các con ong thợ trong tổ ong". Giáo dục nhân văn chỉ nhắm tới con người tự nó mà không quan tâm đến nghề nghiệp hay kỹ thuật. Con người phải thông thạo các tác phẩm cổ điển, phải ăn nói như những nhà hùng biện, và phải lý luận như những triết gia (Marrou). Mỗi thời và hoàn cảnh lịch sử có cái "giỏ giáo dục nhân văn" riêng, với một số mục tiêu nhất định xuất phát từ tinh thần của paideia của Hy Lạp. Ở La Mã, mục tiêu của giáo dục là phục vụ Nhà nước, Nhà nước La Mã, tuy vẫn theo tinh thần nhân văn của

thời Hy Lạp hoá (Hellenistic). Sau khi Đế chế trở thành Ki tô giáo, nó phục vụ Thiên Chúa. Ở Hoa Kỳ, giữa cuộc Nội chiến và Thế chiến II, người ta hiểu giáo dục khai phóng (liberal education) là có mục đích giải phóng (liberating) trí tuệ con người, làm cho nó tự do. Hai chữ liberal và liberating được hiểu là đồng nghĩa, như J. Dewey nhận xét (Kimball).

Hãy nghe Samuel Smiles, tác giả của Tinh thần tự lực, diễn tả tầm quan trọng của nhân cách (character), một trong những mục đích đào tạo của giáo dục nhân văn, qua thí dụ về nhân vật lịch sử Martin Luther:

Khi Luther mất, ông để lại, như được ghi trong di chúc, "không có tiền mặt, không có kho tiền đúc bất cứ loại nào." Ông nghèo đến nỗi buộc phải kiếm sống bằng nghề tiện, nghề làm vườn, và sửa đồng hồ. Nhưng chính vào những lúc làm việc bằng tay kia mà ông đã hun đúc phẩm cách của dân tộc ông; và ông, về mặt đạo đức, còn mạnh hơn, được vinh danh và ủng hộ nhiều hơn các ông hoàng của Đức.

Giáo dục của các đại học châu Âu tiên khởi thời Trung cổ bắt đầu bằng bảy môn học nhân văn: văn phạm, hùng biện, biện chứng hay logic (gọi chung: Trivium), và âm nhạc, số học, hình học, thiên văn (gọi chung: Quadrium), cho chứng chỉ cử nhân (Bachelor of Arts) và kéo dài 4-5 năm. Cao hơn, kéo dài thêm 3-4 năm cho chứng chỉ thạc sĩ (Master of Arts), có các môn chuyên ngành thần học, y khoa và luật khoa, để hành nghề sau này.

Thần Prometheus, theo phiên bản của Aeschylus, không những đã truyền cho con người lửa, mà còn truyền các nghệ thuật, bao gồm viết, toán học, thiên văn học, kiến trúc và y khoa. Nghĩa là Prometheus truyền cho con người không những tri thức khoa học (lửa) mà còn giáo dục khai phóng từ trên trời.

Anh quốc nổi tiếng có nền giáo dục nhân văn truyền thống, ở hai đại học lớn Cambridge và Oxford, để đào tạo những "gentlemen" của giai cấp quý tộc. Thế kỷ 19, người phát ngôn nổi tiếng nhất của đại học Anh trong thế kỷ 19 là nhà thần học John Henry Newman (1801 – 1890), với tác phẩm nổi tiếng The Idea of a University (Ý niệm của một Đại học), Dublin 1852, xuất bản khoảng nửa thế kỷ sau đại học Humboldt, đề cao tri thức nhân văn, là cứu cánh tự thân, hơn là tri thức hữu dụng là phương tiện đi đến mục đích. Ông chủ trương bản chất của đại học là giảng dạy nhân văn, là 'truyền bá và mở rộng tri thức hơn là phát triển nó". Ông viết: "Nếu mục tiêu của nó là khám phá khoa học và triết học, thì tôi không thấy lý do một đại học phải có sinh viên; nếu là đào tạo tôn giáo, tôi không thấy tại sao nó là chỗ của văn chương và khoa học." Xa hơn, ông viết:

Tri thức là một chuyện, đức hạnh là chuyện khác; khẩu vị tốt không phải là lương tâm… Triết học, dù khai sáng

làm sao, dù sâu sắc làm sao, cũng không tạo ra sự làm chủ của đam mê, không tạo ra các mô-típ có ảnh hưởng, không tạo ra các nguyên lý làm nên sức sống. Giáo dục khai phóng không làm ra người Ki-tô giáo, người Công giáo, mà làm ra gentleman. Đó chính là một gentleman, đó chính là người có một tri thức được vun xới, một khẩu vị tao nhã, một tinh thần (mind) ngay thẳng, công bằng, bình thản, một thái độ cao thượng và lịch sự trong hạnh kiểm; đó là những phẩm chất tự nhiên của một tri thức rộng; chúng là đối tượng của một Đại học; tôi biện hộ cho nó… Khai thác đá bằng những lưỡi dao cạo, hay buộc tàu bằng sợi tơ; rồi bạn có thể hy vọng, với những công cụ mảnh mai và sắc sảo như tri thức con người và lý trí con người, có thể chiến đấu với những gã khổng lồ, đó là đam mê và kiêu hãnh của con người.

Các đại sư của sáng tác, như Shakespeare, Milton, và Pope, những người viết ra Kinh thánh Tin lành và Quyển sách Cầu nguyện, Hooker và Addison, Swift, Hume, và Goldsmith, đã làm nên ngôn ngữ tiếng Anh… Họ đã làm cho nó giàu có, hài hòa, đa dạng, và chính xác… Và, giống như âm nhạc, nó đã chiếm lĩnh tinh thần công chúng; và văn chương Anh không phải chỉ là chữ, được in thành sách, và đóng lại trong các thư viện, mà là một tiếng nói sống động, cái đã đi tiếp trong những cách diễn tả hay tình cảm của nó vào thế giới con người…

Đối với Newman, giáo dục nhân văn dẫn tới sự "trác việt tri thức", không có tính thương mại, mục đích thực dụng, mà giúp làm người. Ý tưởng đại học của ông chính yếu dựa trên liberal arts với các môn học nhân văn làm nòng cốt, nghiên cứu là công việc dành cho các định chế hàn lâm khác, giới hạn đại học vào nhiệm vụ giảng dạy và truyền bá. Newman là đại biểu trung thực nhất của hai đại học đầu đàn của Anh là Cambridge và Oxford. John Stuart Mill, đồng nghiệp của Newman, có một bài diễn văn khai mạc nổi tiếng tại Đại học St. Andrews năm 1867 chứa đựng tinh thần nhân văn rất rành mạch. Ông viết:

Đại học không phải là chỗ của giáo dục nghề nghiệp. Các đại học không chủ ý dạy tri thức cần thiết để làm cho con người phù hợp với các cách kiếm sống nào đó. Mục tiêu của đại học không phải tạo ra các luật gia, bác sĩ hay kỹ sư có kỹ năng, mà tạo ra những con người có năng lực (tư duy) và có văn hóa.

Con người là con người, trước khi con người là luật gia, bác sĩ, nhà kinh doanh, hay nhà sản xuất; và nếu chúng ta làm cho họ thành những người có năng lực và nhạy cảm (capable and sensible), họ sẽ tự làm cho họ thành những luật gia hay bác sĩ có năng lực và nhạy cảm.

Trước ông, và trước Newman, nhà giáo dục nổi tiếng Thụy Sỹ Pestalozzi cũng

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thăm và làm việc với Trường ĐH Việt Nhật, ĐHQGHN

từng quan niệm rằng:

Mục đích của giáo dục không nhằm sản sinh ra các thợ may giỏi, những thợ giày, nhà buôn, hay binh sĩ giỏi, mà tạo ra các thợ may giỏi, những thợ giày, nhà buôn và binh sĩ giỏi, những người, trong nghĩa cao cả nhất, là con người. Cho nên, mục đích của giáo dục và giảng dạy không gì khác hơn là sự phát triển hài hòa của những năng lực và sức mạnh trong bản chất con người.

*

Khuynh hướng của Newman chỉ truyền bá kiến thức nhân văn gặp phải trào lưu ngược dòng nhằm mở rộng tri thức khoa học đang lên. Đại học Humboldt (1810) hướng đến nghiên cứu khoa học và học thuật, Wissenschaft, vun xới con người theo chiều rộng lẫn chiều sâu bằng khái niệm Bildung, rèn luyện và tự rèn luyện con người toàn diện, mở rộng chân trời hiểu biết đến những biên giới tri thức mới qua nghiên cứu và xem xét lại sự vật, hướng dẫn sinh viên cùng tiến đến những biên giới mới của học thuật. Người thầy giỏi phải là người nghiên cứu giỏi. Hình thức đại học mới, để có khám phá, cần phải có tự do học thuật nhất định.

Ảnh hưởng của Đại học Humboldt là rất lớn. Nghiên cứu để khám phá trở thành một trào lưu mới của đại học, ngay cả trong những ngành nhân văn, và phát triển mạnh mẽ sang Hoa Kỳ vào những thập kỷ cuối của thế kỷ mười chín. Nước Anh, pháo đài của giáo dục nhân văn, cũng bị "tiêm nhiễm". Năm 1876, nhà ngữ học lớn của Oxford định nghĩa lại giáo dục nhân văn: "Cốt lõi của một nền giáo dục nhân văn cần có quan hệ thường xuyên với sự tiến bộ của tri thức. Nghiên cứu và tri thức là những quá trình qua đó chân lý trực tiếp được gặt hái; giáo dục là sự chuẩn bị của tinh thần để tiếp nhận nó và sự tạo ra thói quen yêu-chân lý." Chỉ có chân lý mới dẫn đường cho cá nhân và xã hội đi đến cái luôn là mục tiêu của giáo dục nhân văn: hạnh kiểm tốt hay đạo đức." Từ thời Galilei, Newton, khoa học trở thành một văn hóa riêng giúp con người hiểu biết về vũ trụ, mở tầm mắt con người, giải phóng định kiến và các lệch lạc đôi khi gây chết người của thời Trung cổ. Không quan tâm đến mảng văn hóa này có thể là một sự thâm hụt lớn về tính nhân văn, điều C. P. Snow từng chỉ trích ở giới tinh hoa văn chương Anh. Khoa học ngày càng hiện diện khắp nơi, và cải thiện xã hội. Con người không thể quên nó, nếu muốn là con người nhân văn.

Sự xuất hiện Nguồn gốc các loài của Darwin thúc đẩy các đại học Anh rời bỏ giáo dục nhân văn cổ điển để chuyển sang đại học nghiên cứu như Đức. Huxley quan niệm "giáo dục nhân văn" cần được hướng đến việc tăng trưởng tri thức con người và được "xây dựng trên niềm tin không do dự rằng, việc sử dụng tự do lý tính, theo phương pháp khoa học, là phương pháp duy nhất để đạt đến chân lý."

Thế kỷ mười tám, David Hume, nhà khai sáng lớn của Anh, người sau này có ảnh hưởng lên thuyết tương đối hẹp của Einstein, cũng như nhiều học giả khai sáng khác, cũng biện hộ cho Khoa học mới (New Science), rằng sự học Khoa học mới cũng có ý nghĩa nhân văn như học tiếng Hy Lạp hay La tinh. Hume lý luận rằng sự học khoa học "làm cho dịu đi và nhân bản hóa tính khí, nâng niu những cảm xúc tinh tế, những thứ tạo nên đức hạnh và danh

dự." Cái học đó cũng "không ít cao cả và tinh tế hơn".

Cuộc cách mạng tri thức, kéo dài từ thế kỷ 17 trở đi, và phát triển mạnh mẽ sau cuộc hồi sinh của đại học từ mô hình Đại học Humboldt, đã làm cho những tiêu chuẩn khoa học về chân lý và tri thức ngày càng ngự trị trong thế giới đại học, có tác động sâu sắc lên mọi ngành học, kể cả những ngành nhân văn, những thứ trước đây ngự trị như trung tâm của giáo dục đại học. Giáo dục nhân văn không còn đơn giản chỉ dựa vào sách cũ. Những sách giáo khoa cũ có thể chứa đựng những nguồn quan trọng về văn hóa, nhưng chúng cũng cần phải được xem xét một cách phê phán. Quan điểm hiện đại nhìn giáo dục nhân văn như giải phóng tinh thần khỏi những quan điểm và giả định không được tra vấn, để suy nghĩ độc lập, và thực hiện sự suy xét có phê phán, đặt vấn đề đối với những tín điều qui ước và những yêu sách được kế thừa về chân lý, có thái độ phê phán trước giáo điều, và có thái độ cởi mở trước mọi vấn đề. Những ý tưởng này dần dần định hình các phương hướng của giáo dục khai phóng trong đại học và college.

*

College Mỹ buổi ban đầu thường được ví như "trái tim" của giáo dục nhân văn Mỹ. Vì nguồn gốc giáo dục nhân văn xuất phát từ đó, và một phần từ các college hôm nay. Woodrow Wilson, với tư cách là (cựu) chủ tịch của đại học Princeton đã từng nói rằng college "không phải là nơi một thanh niên tìm thấy nghề của mình, mà là nơi anh ta tìm thấy chính mình". Wilson đã có kỳ vọng "biến các thanh niên chẳng suy nghĩ, chỉ biết thực hiện nhiệm vụ, thành những con người biết tư duy". Giáo dục nhân văn có mối liên hệ với vị thế xã hội. Đây là truyền thống giáo dục của lý tưởng Hy Lạp về sự phát triển toàn diện con người. Các gia đình giàu có thường muốn cung cấp cho con cái mình giáo dục nhân văn, với kỳ vọng vào những vị trí xã hội cao. Luật giao đất, và cuộc chuyển đổi từ các college nhân văn thành đại học nghiên cứu khoa học và học thuật đã thay đổi tình thế giáo dục đại học của Mỹ. "Sự khác biệt cơ bản giữa một college và đại học là cách nhìn của cả hai. Đại học nhìn phía trước còn college thì nhìn về phía sau" như Edwin Slosson, một nhà truyền bá khoa học nổi tiếng Mỹ, viết năm 1910.

Thực tế, đại học Hoa Kỳ là sự kết hợp của ba yếu tố: Đại học nhân văn Anh, đại học nghiên cứu Đức (Humboldt), và Tinh thần phụng sự xã hội cao của Mỹ.

Woodrow Wilson, và William James, một trong những nhà tư tưởng Mỹ, là những người lội ngược dòng thời đại vào đầu thế kỷ hai mươi. James nói về sự khác biệt giữa giáo dục để có nghề và giáo dục nhân văn:

Tại các trường [đào tạo và nghề] các bạn nhận được một kỹ năng tương đối thu hẹp, trong khi các "colleges" cho các bạn một văn hóa khai phóng hơn, cái nhìn rộng hơn, cái nhìn lịch sử, một không khí triết học… Bạn được đào tạo thành một công cụ hữu hiệu để làm một việc nhất định ở các trường; nhưng ngoài phần đó ra, bạn vẫn là một loại "dầu thô tỏa khói" nhưng không có năng lực tỏa sáng…

Jacques Barzun, một học giả tên tuổi của Thành phố New York, nhìn thấy

một nguy cơ thực trong sự kết hợp của giáo dục đào tạo chuyên gia và giáo dục nhân văn "nửa vời". Đó là một quốc gia của những "nhà thông thái rởm" (pedants). Họ có thể biết và kể lại một khối lượng khổng lồ sự kiện, nhưng có một sự vắng bóng bất cứ sự phản tư (reflection) nào, không có mối liên hệ nào với thế giới, không có một quan điểm nào về tương lai. Giáo dục khai phóng không phải là thông tin (informative), mà là tạo hình (formative) cho con người.

Chúng ta có thể làm cho mọi chủ đề trở nên có tính nhân văn, như James nói, bằng cách dạy nó trong bối cảnh lịch sử văn hóa nhân loại và dòng tiểu sử con người:

Bạn có thể tạo nên giá trị nhân văn cho hầu hết mọi môn học bằng cách dạy nó bằng lịch sử. Địa chất học, kinh tế học, cơ học, sẽ là những ngành nhân văn nếu được dạy với sự tham khảo của các thành tựu kế tiếp của các thiên tài mà những khoa học này phải cám ơn họ. Nếu không dạy như thế, văn học chỉ là văn phạm, nghệ thuật là bản liệt kê (catalogue), lịch sử chỉ là danh sách các ngày tháng, và các ngành khoa học tự nhiên là một tờ giấy của công thức và trọng lượng và độ đo.

Mỗi tri thức do đó có thể được sử dụng theo hai cách: nó có thể phục vụ một mục tiêu tức thì và hữu hình bằng cách hướng dẫn hoạt động kỹ thuật; và nó có thể phục vụ các mục tiêu xa hơn, thường xuyên hơn, và ít nhìn thấy hơn bằng cách hướng dẫn tư duy và đạo đức một cách rộng rãi. Nếu chúng ta gọi cách đầu tiên là cách sử dụng nghề nghiệp, thì cái thứ hai có thể được gọi là cách sử dụng xã hội và đạo đức (hay triết học và văn minh hóa). Một bên là know-how, một bên là sự chăm sóc văn hóa (cultivation).

*

Thật sự có phải phát triển công nghệ không cần đến giáo dục nhân văn hay không? Hãy nghe Steve Jobs minh họa

nhu cầu giáo dục nhân văn rất sống động khi cho ra mắt sản phẩm iPad 2 năm 2011:

"Chính trong cái DNA của Apple mà một mình công nghệ thôi không đủ - chính công nghệ được kết hôn với nghệ thuật nhân văn (liberal arts), với các ngành nhân văn (humanities), mới cho chúng ta sản phẩm làm cho tim ta reo lên, và không ở đâu điều đó đúng hơn là ở các thiết bị hậu-PC này."

Vì thế con người cần phải được giáo dục toàn diện. Chỉ có nền giáo dục mang tính nhân văn cao mới đáp ứng sự thách thức mà Thomas Friedman và Michael Mandelbaum tóm tắt như sau: lấy óc tưởng tượng làm chỉ số của sự phát triển, một tính chất mà Einstein từng cho là vô cùng quan trọng trong nghiên cứu khoa học:

Nhìn về phía trước, chúng ta tin chắc rằng thế giới ngày càng được phân chia ra giữa các quốc gia làm cho có khả-năng-tưởng-tượng cao, cổ vũ và làm cho dân tộc họ có khả năng tưởng tượng và những "thứ đặc biệt" (extras) khác, và các quốc gia làm cho có khả năng tưởng tượng thấp, ngăn chặn hay thất bại trong việc phát triển các năng lực sáng tạo của dân tộc họ, và phát

triển các khả năng làm bật ra những ý tưởng mới, khởi nghiệp những công nghiệp mới, và nuôi dưỡng cái "đặc biệt" của riêng họ.

Muốn có óc tưởng tượng và sự phong phú ý tưởng mới, không gì hay hơn là học các môn học khai phóng, nhất là đọc lịch sử. Nhân loại đã để lại một kho tàng nhân văn vĩ đại đầy chất sống thực trong mọi lãnh vực hoạt động sáng tạo của con người, từ nghệ thuật đến khoa học, chứa đầy những ý tưởng bổ ích. Bỏ kho tàng đó đi thì giống như một nhà nghèo mà vứt bỏ cả kho báu. Thật sự, thiếu giáo dục khai phóng, con người nghèo nàn và đơn điệu làm sao! Giáo dục khai phóng làm cho con người tích cực năng động và sáng tạo, có năng lực và nhạy cảm, "biến các thanh niên chẳng suy nghĩ, chỉ biết thực hiện nhiệm vụ, thành những con người biết tư duy". Rất chính xác. Hơn thế nữa, nếu con người chỉ cắt gọt mình cho phù hợp với những thị hiếu vật chất, thì, mượn lời của nhà thơ Tagore, "đó là quá trình của sự tự sát từ từ bằng cách co linh hồn mình lại." Thế giới vật chất có nguy cơ vùi lấp con người, nếu con người không biết vươn lên cao hơn nó, bằng giáo dục nhân văn.

Tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ bằng nhiều nhân tố, một số trong đó hoàn toàn nằm ngoài những lãnh vực kiểm tra (test) và kỹ năng. Một số quốc gia châu Á có điểm kiểm tra PISA tốt hơn Mỹ nhiều, như Singapore, Trung Quốc, kể cả Việt Nam. Nhưng điều đó chưa nói lên tính quyết định "hơn thua" của các quốc gia.

Hãy nghe cựu bộ trưởng giáo dục Singapore Shanmugaratnam, từng tuyên bố với tác giả Zakaria, rằng "Cả hai chúng ta đều có chế độ (trọng đãi) nhân tài. Quí vị có chế độ nhân tài tài năng (talent meritocracy), phía chúng tôi là chế độ nhân tài thi cử (exam meritocracy). Có một số tính chất của trí tuệ mà chúng ta không thể kiểm tra tốt được, như tính sáng tạo, óc tò mò, đầu óc phiêu lưu, tham vọng. Trên hết, nước Mỹ có một nền văn hóa học thách thức tri thức quy ước, kể cả khi nó bao hàm việc thách thức quyền lực. Đây là những lãnh vực mà Singapore phải học hỏi từ Mỹ."

Sự thành công của những người ra đời còn tùy thuộc thêm nhiều vào môi trường xã hội, như không khí cởi mở, khoan dung, phân quyền, đổi mới sáng tạo, thái độ laisser-faire (tự do) của nhà nước, văn hóa kinh doanh sáng tạo (entrepreurial culture) của môi trường xung quanh.

Đại học quốc gia Singapore đi tìm thêm giáo dục đại học bằng cách hợp tác với Đại học Yale để đưa vào những môn nhân văn cho bậc cử nhân. Dứt khoát, những người được tiếp thu nền giáo dục khai phóng, cho dù tự học, trung bình sẽ năng động và sáng tạo hơn nhiều những người không được hưởng nền giáo dục này.

Văn minh vật chất và lợi nhuận có sức quyến rũ như tiếng hát của những nàng tiên cá. "Các đại học", bà Hiệu trưởng Drew Faust của Harvard hỏi, "đã trở nên quá bị giam hãm vào những mục tiêu tức thì và trần thế mà chúng phục vụ rồi hay sao? Mô hình thị trường đã trở thành bản sắc căn bản và quyết định của giáo dục đại học rồi hay sao?" Bà bảo vệ giáo dục khai phóng với lời lẽ mạnh mẽ:

Giáo dục đại học có thể đem lại cho các cá nhân và xã hội một tầm nhìn có chiều sâu và chiều rộng, những thứ vắng bóng trong thời hiện tại chắc chắn là thiển cận này. Con người cần có ý nghĩa (cuộc sống), sự hiểu biết, và viễn cảnh, cũng như cần công việc làm. Câu hỏi không phải là chúng ta có dám tin vào những mục tiêu như thế trong những giai đoạn này, mà là chúng ta có dám không tin vào những mục tiêu đó hay không."

Muốn làm mạnh mẽ tinh thần một dân tộc, hãy học khoa học, và cả những môn học nhân văn. Giáo dục nhân văn tạo nên sự thức tỉnh trong con người, đánh thức cảm xúc làm người, giúp hình thành một thế giới nhân văn bên trong, và tạo tầm nhìn xa, mơ ước lớn. Nó đánh thức các khả năng và cảm xúc thầm kín bên trong, mở khóa kho tàng các năng lực và cảm xúc nội tâm sâu thẳm, cho phép sự sáng tạo ngày càng nảy nở như những hạt giống nảy mầm từ miếng đất nhân văn được khai phá và chăm bón.